

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐIỆN BIÊN ĐÔNG
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **13/2024/HNGĐ-ST**
Ngày: 05-7-2024
V/v: *Tranh chấp ly hôn và
nuôi con chung khi ly hôn*

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐIỆN BIÊN ĐÔNG, TỈNH ĐIỆN BIÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hồng Quang.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Hương và ông Lương Văn Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Sùng A Tình - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Điện Biên Đông, tỉnh Điện Biên;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Điện Biên Đông, tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa: Bà Cao Thị Ái- Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 7 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Điện Biên Đông, tỉnh Điện Biên, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 54/2024/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 3 năm 2024, về việc: “*Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung khi ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2024/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh **Giàng A G**, sinh năm: 1992;

Nơi cư trú: Bản T, xã H, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. (có mặt).

2. *Bị đơn:* Chị **Vừ Thị D**, sinh năm: 1995;

Nơi cư trú: Bản T, xã H, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. (vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại đơn khởi kiện ngày 25/3/2024, bản khai ngày 28/3/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Giàng A G trình bày:**

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Anh Giàng A G và chị Vừ Thị D lấy nhau theo phong tục tập quán và có đăng ký kết hôn vào ngày 13/11/2013 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. Anh G và chị D kết hôn hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn anh G và chị D chung sống hạnh phúc thời gian đầu. Đến đầu năm 2018 vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm và đã sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay. Hiện anh G xác định không

còn tình cảm với chị Vừ Thị D nữa. Do vậy, anh làm đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện Điện Biên Đông xem xét, giải quyết cho anh được ly hôn với chị Vừ Thị D.

2. *Về con chung, con riêng*: Anh G và chị Vừ Thị D có 02 con chung là các cháu Giàng A P, sinh ngày 02/8/2015 và cháu Giàng Thị T, sinh ngày 29/3/2016. Khi ly hôn anh G yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai cháu Giàng A P và Giàng Thị T. Anh G không yêu Tòa án cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con.

3. *Về tài sản*: Tài sản riêng, tài sản chung, nợ phải trả, nợ lấy về, diện tích ruộng nương: Anh G không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Điện Biên Đông đã tổng đạt hợp lệ các thủ tục cho chị Vừ Thị D theo quy định của pháp luật nhưng chị Vừ Thị D không cung cấp tài liệu, chứng cứ và không trình bày ý kiến gửi cho Tòa án. Chị Vừ Thị D luôn vắng mặt không có lý do tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tại phiên tòa nên không có ý kiến trình bày trong vụ án này.

*** Người có quyền và lợi ích được bảo vệ**: Các cháu Giàng A P, sinh ngày 02/8/2015 và cháu Giàng Thị T, sinh ngày 29/3/2016. Tại đơn nguyện vọng của các cháu trình bày là cả cháu Giàng A P và Giàng Thị T đều muốn sống cùng với bố.

Tại phiên tòa: Anh Giàng A G vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Vừ Thị D, giải quyết cho anh được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Giàng A P và Giàng Thị T, anh G không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con; không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung như nội dung đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Điện Biên Đông, tỉnh Điện Biên phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án đều tuân thủ các quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự. Quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 51; Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân gia đình. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Giàng A G, anh G được ly hôn chị Vừ Thị D. Giao các cháu Giàng A P, sinh ngày 02/8/2015 và cháu Giàng Thị T, sinh ngày 29/3/2016 cho anh G trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi các cháu thành niên và có khả năng lao động. Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho anh Giàng A G.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật: Căn cứ đơn khởi kiện về việc xin ly hôn của anh Giàng A G và chị Vừ Thị D và các tài liệu, chứng cứ kèm theo của nguyên đơn anh Giàng A G, Tòa án xác định đây là vụ án: “***Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung khi ly hôn***”.

[2]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn có đăng ký thường trú tại bản T, xã H, huyện Đ, tỉnh Điện Biên nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Điện Biên Đông, tỉnh Điện Biên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về sự vắng mặt của đương sự: Tòa án nhân dân huyện Điện Biên Đông đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 30/5/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2024/QĐST-HNGĐ ngày 18/6/2024 cho chị Vừ Thị D. Nhưng chị Vừ Thị D không đến phiên tòa và không có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 233, Điều 235 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

[4]. Về điều luật áp dụng: Anh Giàng A G và chị Vừ Thị D lấy nhau và đi đăng ký kết hôn tự nguyện vào ngày 13/11/2013 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. Tòa án sẽ áp dụng các quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết.

[5]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Giàng A G và chị Vừ Thị D lấy nhau và đăng ký kết hôn vào ngày 13/11/2013 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. Việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, không ai bị ép buộc kết hôn. Do vậy, quan hệ hôn nhân giữa anh Giàng A G và chị Vừ Thị D là hợp pháp. Hiện tại anh Giàng A G không còn tình cảm với chị Vừ Thị D nữa, anh G và chị D đã sống ly thân từ năm 2018 đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn giữa anh Giàng A G và chị Vừ Thị D là do bất đồng quan điểm sống, hai vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, anh Giàng A G cương quyết ly hôn với chị Vừ Thị D.

Tòa án đã nhiều lần tổng đạt các văn bản tố tụng và triệu tập cho chị Vừ Thị D đến Tòa án làm việc nhưng chị D vẫn vắng mặt không lý do, thể hiện việc D không tích cực trong việc hòa giải, hàn gắn quan hệ vợ chồng. Như vậy, mâu thuẫn giữa vợ chồng giữa anh Giàng A G và chị Vừ Thị D là có thật, hôn nhân giữa G và chị D không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Xét tình trạng thực tế giữa hai vợ chồng, anh Giàng A G và chị Vừ Thị D đã sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay, không cùng chung sống nuôi dạy con cái. Do đó, hội đồng xét xử thấy có đủ căn cứ xác định hôn nhân giữa anh G và chị D đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu của anh G, giải quyết cho anh Giàng A G ly hôn với chị Vừ Thị D.

[6]. Về con chung, con riêng: Anh Giàng A G và chị Vừ Thị D có 02 con chung là cháu Giàng A P, sinh ngày 02/8/2015 và cháu Giàng Thị T, sinh ngày 29/3/2016. Anh G có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi

dưỡng, giáo dục, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con. Để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của các cháu và đảm bảo sự phát triển về mọi mặt của trẻ cũng như xét theo nguyện vọng của các cháu, Hội đồng xét xử thấy yêu cầu của anh G là chính đáng, phù hợp với quy định của pháp luật, nên căn cứ các quy định tại Điều 58, Điều 69, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình 2014 giao các cháu cho anh G trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi các cháu thành niên và có khả năng lao động. Hội đồng xét xử không xem xét về vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

Chị Vừ Thị D có quyền đi lại thăm nom, giáo dục con chung không ai được cản trở. Quyền nuôi con và cấp dưỡng nuôi con có thể được thay đổi theo quy định tại Điều 84 của Luật hôn nhân gia đình 2014 khi có yêu cầu.

[7]. Về tài sản: Tài sản riêng, tài sản chung, nợ phải trả, nợ lấy về, diện tích ruộng nương: Anh Giàng A G không đề nghị Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8]. Án phí: Quá trình giải quyết vụ án anh Giàng A G có đơn xin miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí. Tại phiên tòa anh tiếp tục đề nghị HĐXX xem xét miễn tiền án phí DSTT cho anh, bởi vì, bản thân và gia đình anh là người dân tộc Mông đang cư trú tại xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Vì vậy, cần áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội xem xét miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm cho anh Giàng A G là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51; Điều 53, khoản 1 Điều 56; Điều 58; Điều 69; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 233, Điều 235, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/ 2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Giàng A G. Anh G được ly hôn với bị đơn chị Vừ Thị D.

2. Về con chung: Giao con chung là các cháu Giàng A P, sinh ngày 02/8/2015 và cháu Giàng Thị T, sinh ngày 29/3/2016 cho anh Giàng A G trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu thành niên và có khả năng lao động.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con mà không ai được cản trở và có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi con.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung.

Quyền nuôi con và cấp dưỡng nuôi con có thể được thay đổi theo quy định tại Điều 84 của Luật hôn nhân gia đình 2014 khi có yêu cầu.

3. Về tài sản: Tài sản riêng, tài sản chung, nợ phải trả, nợ lấy về, diện tích ruộng nương: Anh Giàng A G không đề nghị Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Anh Giàng A G được miễn án phí DSST.

5. Về quyền kháng cáo: Anh Giàng A G được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 05/7/2024). Bị đơn chị Vừ Thị D vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện ĐBĐ;
- CCTHADS huyện ĐBĐ;
- Phòng KTNV và THA TAND tỉnh ĐB;
- UBND xã Háng Lìa;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Hồng Quang